TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST
Ngày: 30-09-2022
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đức Thiện
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳh Tấn Bôn
Ông Nguyễn Văn Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-DS ngày 13/9/2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 80/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N**; địa chỉ trụ sở: Số 2 L, phường C, quận B, TP H; địa chỉ Phòng giao dịch H - Ngân hàng N - xã H, huyện V, thành phố Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thanh Ng; Địa chỉ: phường B, quận C, thành phố Đ. (*Theo Quyết định số 389/2020/QĐ-NHNo-PC ngày 20/3/2021 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N và Giấy ủy quyền số 67/UQ- NHNoKCNHK ngày 26.5.2022 của Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Khu công nghiệp K*). Bà Ng có mặt.

+ *Bị đơn*: Ông **Trần N**, sinh năm: 1964; Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đ (vắng mặt).

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1934; Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đ (vắng mặt).

- Bà **Trần Thị Th**; Địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, thành phố Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2021, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh Ng trình bày:*

Vào ngày 21/03/2019 Ngân hàng N - Chi nhánh Khu công nghiệp K - Phòng giao dịch H có ký hợp đồng tín dụng số 2019 –LAV 201900372 cho ông Trần N vay vốn theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/03/2019; theo đó, Ngân hàng đã cho ông Trần N vay với tổng số tiền là: 50.000.000đ *(Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng chẵn)*. Khi vay vốn của Ngân hàng, ông Trần N đã giao cho A - Chi nhánh K - Phòng giao dịch H giữ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 294134 do UBND huyện V, thành phố Đ cấp ngày 30/07/1996, số vào sổ: 0013QSDĐ/588/QĐ-UB, đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Đ kèm theo Hợp đồng ủy quyền cho ông Trần N vay vốn được chứng thực tại Phòng Công chứng T ngày 23/12/2014.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Trần N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, để quá hạn nợ gốc lãi kéo dài, mặc dù ngân hàng đã nhiều lần cử cán bộ xuống nhà ông N làm việc, mời đến Ngân hàng làm việc nhằm đôn đốc thu hồi nợ (thể hiện qua các biên bản làm việc, thông báo) nhưng ông Trần N không hợp tác cùng Ngân hàng để giải quyết nợ. Trong qúa trình vay vốn, ông Trần N đã trả cho Ngân hàng được nợ gốc là 9.690.000 đồng và số tiền lãi là : 414.148 đồng. Hiện còn dư nợ gốc là: 40.310.000 đồng và nợ lãi phát sinh đến ngày 30/9/2022 là 18.511.879 đồng (*trong đó nợ lãi trong hạn là 13.570.756 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.941.123 đồng*). Vì vậy, Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần N phải thanh toán dứt điểm số tiền nợ gốc, nợ lãi với tổng số tiền: 58.821.879 đồng. Trong đó:

+ Nợ gốc: 40.310.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn đến ngày 30/9/2022 là 13.570.756 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2022 là 4.941.123 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2022, ông Trần N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/03/2019 cho đến khi thanh toán xong hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn có yêu cầu Toà án xử lý tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 375, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Thôn K, xã S, huyện V, TP.Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 294134 do UBND huyện V, TP. Đ cấp ngày 30/7/1996 theo Giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị T và ông Trần N có xác nhận của UBND xã S ngày 20/3/2019; Hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần N ngày 23/12/2014 do Văn phòng Công chứng T chứng thực số 2850, quyển số 58TP/CC-SCC/HĐTD để Ngân hàng thu hồi nợ. Ngày 13/9/2022, Ngân hàng đã có văn bản số 12/CV-NHN_0 PGDHS gửi đến Toà án không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang giữ. Khi nào ông Trần N thanh toán hết nợ thì Ngân hàng N sẽ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Trần N.

** Tại Đơn phản tố ngày 21/02/2022, Biên bản hoà giải ngày 27/5/2022; Biên bản hoà giải ngày 14/7/2022, bị đơn là ông Trần N trình bày:*

Tôi thống nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn là Ngân hàng N về việc tôi có vay vốn của Ngân hàng N - Chi nhánh K - Phòng giao dịch S theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/03/2019 với số tiền là: 50.000.000đ

(Năm mươi triệu đồng). Tôi xác định tôi giao (thế chấp) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tôi là hộ bà Nguyễn Thị Đ (bà Đ và bà T đã ủy quyền cho tôi) cho Ngân hàng để vay với số tiền là 50.000.000đ (*năm mươi triệu đồng*). Trong suốt thời gian vay vốn, tôi đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho ngân hàng theo quy định. Vì lí do gián đoạn dịch bệnh nên tôi chưa ổn định việc làm nên không có thu nhập để trả nợ tiếp cho Ngân hàng nên tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn đã ký với Ngân hàng; việc này tôi đã thông báo làm việc nhiều lần với ngân hàng trực tiếp cũng như qua điện thoại. Nay Ngân hàng khởi kiện thì tôi xác định tôi có thể trả nợ cho Ngân hàng ngay một lần cũng được. Trong quá trình sử dụng vốn vay, tôi đã trả cho Ngân hàng được số tiền: 10.104.148 đồng; trong đó tiền nợ gốc: là 9.690.000đồng và số tiền nợ lãi là : 414.148 đồng. Hiện còn dư nợ gốc là: 40.310.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 26/5/2022: 15.295.914 đồng. Ngân hàng khởi kiện thì tôi xác định tôi có thể trả nợ cho Ngân hàng ngay một lần cũng được. Tôi bất ngờ về phía ngân hàng khởi kiện tôi đến Tòa án nên tôi buộc lòng phải phản tố hoặc tố cáo theo quy định của pháp luật. Tôi đã có đơn đề nghị chuyển dấu hiệu tội phạm về việc hồ sơ thế chấp tại A - Chi nhánh K - Phòng giao dịch S, huyện V gửi đến Tòa án. Đề nghị Tòa án chuyển thông tin tin báo tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng để làm rõ những vấn đề sau:

- Làm rõ hành vi giả mạo của phía Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp K - Phòng giao dịch S liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản, hợp đồng thế chấp có công chứng hay không?

- Đề nghị Ngân hàng xuất hóa đơn theo hợp đồng và hóa đơn theo hàng tháng.

- Làm rõ phía Ngân hàng tự ý cưỡng đoạt tiền của tôi trong tài khoản 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) không xuất hóa đơn. Biên lai thu tiền áp dụng cho tôi có trong hồ sơ là giả vi phạm chứng từ kế toán không có giá trị.

Tôi thấy hành vi của Ngân hàng có dấu hiệu của tội Giả mạo Điều 359 của Bộ luật hình sự năm 2015, tội cưỡng đoạt tiền tài sản của tôi theo Điều 170 của Bộ luật hình sự, tội giả mạo trong công tác.

Từ những nội dung trên, đề nghị Tòa án chuyển thông tin tin báo tội phạm theo đơn của tôi đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hòa Vang để làm rõ hành vi gian dối của Ngân hàng trong việc cho vay vốn đối với tôi.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đã và bà Trần Thị Thắng không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Toà án và cũng có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

* Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N đối với bị đơn là ông Trần N về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" và tuyên xử: Buộc ông Trần N phải trả cho Ngân hàng N số tiền 58.821.879 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 40.310.000 đồng; nợ lãi trong hạn đến ngày 30/9/2022 là 13.570.756 đồng và nợ lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2022 là 4.941.123 đồng.

Ông Trần N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/03/2019 kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán xong hết nợ cho Ngân hàng. Đối với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số I 294134 do UBND huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 30/07/1996, số vào sổ: 0013QSDĐ/588/QĐ-UB, đứng tên hộ bà Nguyễn Thị Đ, khi vay vốn ông Trần N đã giao cho Ngân hàng N - Chi nhánh KCN K - Phòng giao dịch S giữ, khi nào ông N trả hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần N.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc ông Trần N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về pháp luật áp dụng*: Căn cứ vào Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/03/2019 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh Khu công nghiệp K - Phòng giao dịch S, theo đó Ngân hàng cho ông Trần N vay tiền. Đây là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các bên có tranh chấp, Ngân hàng N khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần N phải trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Vì vậy Tòa án xem xét áp dụng Bộ luật Dân sự và Luật các tổ chức tín dụng để giải quyết vụ án.

[2] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn là Ngân hàng N khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng với bị đơn là ông Trần N có địa chỉ tại thôn k, xã S, huyện V, thành phố Đ. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn là ông Trần N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ và bà Trần Thị T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] *Về nội dung:* Theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/03/2019 được ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh Khu công nghiệp K - Phòng giao dịch S với ông Trần N đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Theo đại diện nguyên đơn trình bày, trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Trần N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán như đã cam kết. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Trần N phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 58.821.879 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/03/2019.

[5] Xét yêu cầu của các đương sự thì thấy:

[5.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 21/3/2019, Ngân hàng N – Chi nhánh Khu công nghiệp K – PDG S có cho ông Trần N vay số tiền 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn, mục đích vay: chăn nuôi, sửa chữa nhà ở, kinh doanh nhỏ; thời gian sử dụng vốn đến 24 tháng. Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Trần N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông N trả nợ nhưng ông N vẫn không thanh toán đầy đủ và đúng hạn; ông Trần N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Sổ vay vốn kiêm phương án trả nợ. Do vậy yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 58.821.879 đồng. Trong đó nợ gốc là 40.310.000 đồng, nợ lãi là 18.511.879 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/3/2019, phù hợp với Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[5.2] Xét yêu cầu của bị đơn thì thấy: Bị đơn là ông Trần N cho rằng ông bất ngờ về việc Ngân hàng khởi kiện và ông cho rằng ông có thể trả một lần khoản nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông Trần N vẫn chưa thanh toán hết nợ cho Ngân hàng nên cần buộc ông N phải trả nợ gốc, nợ lãi và lãi phát sinh như đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Khi vay vốn của Ngân hàng, bị đơn là ông Trần N có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 294134 do UBND huyện V, TP. Đ cấp ngày 30/7/1996 cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Đ, kèm theo Giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị T và ông Trần N có xác nhận của UBND xã S ngày 20.3.2019; Hợp đồng ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần N ngày 23/12/2014 do Văn phòng Công chứng Tâm Tín chứng thực số 2850, quyển số 58TP/CC-SCC/HĐTD. Ngày 13/9/2022, Ngân hàng đã có văn bản số 12/CV-NHN_0 PGDHS gửi đến Toà án không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ngân hàng đang giữ. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến việc xử lý tài sản thế chấp. Khi nào ông Trần N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Trần N.

[7] Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần N có đơn yêu cầu chuyển thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Ngày 04/8/2022, Toà án đã có Công văn số 163/CV – TA gửi đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V về việc thông tin tin báo tội phạm theo yêu cầu của đương sự. Ngày 23/8/2022, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện V, thành phố Đ có văn bản số 841/CSĐT-ĐCSKT thông báo kết quả giải quyết đơn của ông Trần N là không có cơ sở giải quyết và xác định đây là tranh chấp hợp

đồng tín dụng. Do đó, không có căn cứ để xác định Ngân hàng chiếm đoạt tiền trong tài khoản của ông Trần N như ông N trình bày.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm, ông Trần N phải chịu theo giá ngạch 58.821.879 đồng đồng x 5% = 2.941.093 đồng.

[9] Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn là ông Trần N.

1. Buộc ông Trần N phải trả cho Ngân hàng N số tiền: 58.821.879đ (*Năm mươi tám triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng*). Trong đó: nợ gốc là 40.310.000đồng và nợ lãi phát sinh tính đến ngày 30/9/2022 là 18.511.879 đồng (*trong đó nợ lãi trong hạn là 13.570.756 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.941.123 đồng*).

Kể từ ngày 01/10/2022 ông Trần N còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 21/3/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi nào ông Trần N thanh toán hết nợ thì Ngân hàng N phải trả lại cho ông Trần N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 294134 do UBND huyện V, TP. Đ cấp ngày 30/7/1996 đứng tên chủ sử dụng là hộ bà Nguyễn Thị Đ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần N phải chịu 2.941.093đ (*Hai triệu, chín trăm bốn mươi mốt nghìn, không trăm chín mươi ba đồng)*.

3. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 1.337.000đ (*Một triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0004296 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vang, thành phố Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Đức Thiện